



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

NGUYỄN ĐỨC TIẾN

PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Chuyên ngành: Kinh tế Phát triển

Mã số: 9310105

BẢN TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng, năm 2026

CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

Người hướng dẫn khoa học:

Người hướng dẫn 1: PGS.TS. Trương Hồng Trình

Người hướng dẫn 2: PGS. TS. Trần Trung Vinh

Phản biện 1: GS.TS. Lê Quốc Hội

Phản biện 2: PGS.TS. Bùi Đức Tính

Phản biện 3: TS. Nguyễn Quốc Nghi

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận án cấp Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

Vào ngày 24 tháng 7 năm 2026

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Công nghệ Thông tin và Học liệu số, Đại học Đà Nẵng.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong bối cảnh toàn cầu hóa sâu rộng, biến đổi khí hậu gia tăng, dịch bệnh toàn cầu và quá trình chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, du lịch không còn là một lĩnh vực phát triển ổn định theo quỹ đạo tăng trưởng tuyến tính, mà ngày càng trở nên nhạy cảm, dễ tổn thương và chịu tác động sâu sắc từ các cú sốc bên ngoài. Thực tiễn này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tái tư duy về mô hình phát triển du lịch, chuyển từ mục tiêu tăng trưởng nhanh sang phát triển bền vững, có khả năng thích ứng, phục hồi và duy trì hiệu quả trong dài hạn. Trên bình diện học thuật, phát triển du lịch bền vững (PTDLBV) đã trở thành một hướng nghiên cứu trung tâm; tuy nhiên, nội hàm của khái niệm này vẫn đang tiếp tục được mở rộng và hoàn thiện, đặc biệt trong việc tích hợp các tiếp cận về quản trị điểm đến, khả năng chịu tải, quản trị rủi ro và thích ứng trong bối cảnh biến động.

Về phương diện lý luận, phần lớn các nghiên cứu về PTDLBV hiện nay vẫn tiếp cận theo mô hình tương đối tĩnh, tập trung vào việc cân bằng ba trụ cột kinh tế - xã hội - môi trường. Trong khi đó, những yếu tố ngày càng có vai trò quyết định như năng lực thể chế, cơ chế phối hợp đa bên, sự tham gia của cộng đồng địa phương, cũng như tác động của các cú sốc kinh tế - xã hội và môi trường, vẫn chưa được tích hợp một cách đầy đủ và hệ thống vào khung phân tích PTDLBV, đặc biệt trong các nghiên cứu mang tính bối cảnh hóa tại các đô thị du lịch đang phát triển nhanh. Khoảng trống này cho thấy sự cần thiết phải tiếp cận PTDLBV như một quá trình động, gắn chặt với năng lực quản trị, điều phối và thích ứng của điểm đến, trong đó cộng đồng cư dân không chỉ là đối tượng chịu tác động mà còn là chủ thể tham gia và đồng kiến tạo phát triển.

Về phương diện thực tiễn, du lịch đã và đang giữ vai trò quan trọng trong cơ cấu kinh tế của Việt Nam, với tốc độ phục hồi và tăng trưởng mạnh mẽ sau đại dịch Covid-19. Sự tăng trưởng nhanh của du lịch cũng đồng thời làm bộc lộ những mâu thuẫn ngày càng sâu sắc, đặc biệt từ góc nhìn của cộng đồng địa phương - những chủ thể trực tiếp gìn giữ tài nguyên văn hóa, môi trường và cung cấp nguồn lao động cho ngành. Trên thực tế, việc làm trong du lịch tại nhiều điểm đến thường mang tính thời vụ, thiếu ổn định và có mức thu nhập thấp, trong khi phần lớn giá trị gia tăng lại tập trung vào các doanh nghiệp lớn, thậm chí là các tập đoàn nước ngoài.

Trước những thách thức đó, PTDLBV ngày càng được nhìn nhận như một yêu cầu tất yếu trong cả nghiên cứu học thuật lẫn hoạch định chính sách. Theo Fennell và Cooper (2020), PTDLBV nhấn mạnh việc cân nhắc đồng thời các tác động kinh tế, văn hóa - xã hội và môi trường trong cả hiện tại và tương lai, hướng đến sự hài hòa lợi ích giữa du khách, ngành du lịch, môi trường tự nhiên và cộng đồng địa phương. Ngày nay, du lịch bền vững đã trở thành định hướng nền tảng cho chính sách du lịch quốc gia tại nhiều nước đang phát triển, nơi du

lịch được kỳ vọng vừa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế vừa hạn chế các hệ lụy tiêu cực về xã hội và môi trường.

Tuy nhiên, một nghịch lý đáng chú ý là các chiến lược du lịch bền vững do Chính phủ khởi xướng thường không nhận được sự đồng thuận rộng rãi từ cộng đồng địa phương - yếu tố được xem là then chốt bảo đảm tính bền vững lâu dài của ngành. Tại Việt Nam, người dân Hội An đã công khai chỉ trích các chính sách bảo tồn di sản vì cho rằng chúng ưu tiên phục vụ du khách và lợi ích kinh tế hơn là bảo tồn các giá trị văn hóa sống. Ở Thái Lan, nhiều cộng đồng địa phương nhìn nhận sáng kiến “7 Greens” như một công cụ phục vụ lợi ích của tầng lớp tinh hoa thay vì đáp ứng nhu cầu thực sự của cư dân. Tương tự, tại Costa Rica, các khu nghỉ dưỡng quy mô lớn được quảng bá là “bền vững” đã vấp phải sự phản đối gay gắt của cư dân ven biển do gây mất đất và hạn chế quyền tiếp cận tài nguyên.

Thực tiễn này đặt ra một câu hỏi nghiên cứu mang tính nền tảng: Những cơ chế nào chi phối sự ủng hộ của cộng đồng địa phương đối với PTDLBV trong bối cảnh các quốc gia đang phát triển? Sự ủng hộ của cộng đồng không chỉ mang ý nghĩa biểu tượng mà còn có vai trò quyết định đối với sự thành công hay thất bại của các chính sách và sáng kiến du lịch bền vững. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu hiện nay vẫn tập trung vào bối cảnh các quốc gia phát triển, trong khi các nghiên cứu xem xét nhóm nước đang phát triển còn tương đối hạn chế. Sự mất cân đối này đặc biệt đáng quan ngại, bởi các quốc gia đang phát triển thường có những đặc trưng khác biệt như nền kinh tế phụ thuộc sinh kế, hệ sinh thái mong manh, năng lực quản trị hạn chế và tình trạng nghèo đói phổ biến - những yếu tố có thể ảnh hưởng sâu sắc đến cách cộng đồng địa phương nhận thức và phản ứng với PTDLBV.

Đà Nẵng là một trường hợp điển hình của phát triển du lịch nhanh trong bối cảnh đô thị ven biển, hội tụ đồng thời cả cơ hội và thách thức của phát triển bền vững. Thành phố đã khẳng định vị thế là trung tâm du lịch quan trọng của khu vực miền Trung và cả nước, được quốc tế ghi nhận là điểm đến năng động, chất lượng cao. Tuy nhiên, thực tiễn phát triển du lịch tại Đà Nẵng cũng bộc lộ nhiều vấn đề đáng quan ngại như áp lực khai thác tài nguyên, nguy cơ quá tải không gian công cộng, gia tăng bất bình đẳng trong tiếp cận lợi ích từ du lịch, và sự tham gia (có thể) còn hạn chế của cộng đồng cư dân trong quá trình quy hoạch và ra quyết định. Đối với người dân thành phố, du lịch vừa mang lại cơ hội việc làm và thu nhập, vừa đặt ra những thách thức trực tiếp đối với môi trường sống, bản sắc văn hóa và sự ổn định xã hội. Những vấn đề này cho thấy mô hình phát triển du lịch theo chiều rộng đã bộc lộ những giới hạn rõ rệt, đòi hỏi phải được đánh giá lại từ góc độ phát triển bền vững. Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu PTDLBV của thành phố Đà Nẵng không chỉ mang ý nghĩa thực tiễn cấp bách, mà còn có ý nghĩa lý luận quan trọng.

2. Mục tiêu nghiên cứu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Trên cơ sở hệ thống hóa khung lý thuyết về PTDLBV, luận án nhằm đánh giá một cách toàn diện thực trạng phát triển du lịch tại thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2014 - 2024, đồng thời dựa trên lý thuyết trao đổi xã hội (SET), đề xuất mô hình nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến ý định hỗ trợ PTDLBV dựa trên cảm nhận của người dân địa phương tại thành phố Đà Nẵng. Từ đó, đề xuất các định hướng, giải pháp PTDLBV ngành du lịch thành phố Đà Nẵng trong bối cảnh mới.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Thứ nhất, hệ thống hóa và làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về PTDLBV, bao gồm các khái niệm, nội dung, nguyên tắc, tiêu chí đánh giá, các mô hình tiếp cận, kinh nghiệm nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan, đặc biệt chú trọng các tiếp cận coi cộng đồng cư dân là chủ thể tham gia và đánh giá quá trình phát triển du lịch.

Thứ hai, phân tích và đánh giá thực trạng phát triển du lịch tại thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn 2014 - 2024 theo các trụ cột thể chế, kinh tế, văn hóa - xã hội và môi trường.

Thứ ba, xác định và phân tích các nhóm nhân tố ảnh hưởng đến ý định hỗ trợ PTDLBV của cư dân địa phương tại thành phố Đà Nẵng, làm rõ cách thức các nhân tố này được cộng đồng cư dân nhận thức, đánh giá và phản ánh thông qua mức độ hài lòng, đồng thuận và sẵn sàng tham gia vào phát triển du lịch.

Thứ tư, đề xuất hệ thống giải pháp PTDLBV cho thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, bảo đảm tính đồng bộ, khả thi và phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là quá trình PTDLBV tại thành phố Đà Nẵng, bao gồm hệ thống các hoạt động, chính sách và kết quả phát triển du lịch được xem xét dưới góc độ bền vững theo các trụ cột thể chế, kinh tế, văn hóa - xã hội và môi trường.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về phạm vi không gian, luận án nghiên cứu PTDLBV tại Đà Nẵng, tập trung vào địa giới hành chính cũ của thành phố (trước khi sáp nhập, mở rộng không gian đô thị từ tháng 7 năm 2025).

Về phạm vi thời gian, luận án phân tích thực trạng phát triển du lịch tại thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn 2014 - 2024; trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp PTDLBV cho giai đoạn 2026 - 2030.

Về phạm vi nội dung, luận án tập trung nghiên cứu các nội dung chủ yếu sau: (i) hệ thống hóa và lựa chọn khung lý thuyết tiếp cận PTDLBV; (ii) phân tích thực trạng phát triển du lịch tại thành phố thông qua cảm nhận và đánh giá của cộng đồng cư dân địa phương; (iii) xác định và đánh giá các nhóm nhân tố ảnh hưởng đến ý định hỗ trợ PTDLBV của cư dân địa phương tại Đà Nẵng; và (iv) đề xuất hệ thống giải pháp PTDLBV cho thành phố Đà Nẵng đến năm 2030.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp tiếp cận nghiên cứu

Tiếp cận hệ thống; tiếp cận liên ngành; tiếp cận địa phương; tiếp cận lịch sử - phát triển

4.2. Phương pháp thu thập dữ liệu

4.2.1. Thu thập dữ liệu thứ cấp

Luận án sử dụng dữ liệu thứ cấp từ các nguồn chính thống và có độ tin cậy cao, bao gồm: các báo cáo, chiến lược, quy hoạch phát triển du lịch của thành phố Đà Nẵng; niên giám thống kê; báo cáo chuyên ngành của Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam; các tài liệu của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đà Nẵng; cùng các công trình nghiên cứu khoa học, luận văn, luận án và bài báo chuyên ngành trong và ngoài nước liên quan đến PTDLBV.

4.2.2. Thu thập dữ liệu sơ cấp

Dữ liệu sơ cấp được thu thập thông qua khảo sát bảng hỏi đối với người dân địa phương

4.3. Phương pháp xử lý và phân tích dữ liệu

4.3.1. Phân tích định tính

Phương pháp phân tích nội dung được sử dụng để tổng hợp, phân tích các văn bản chính sách, quy hoạch, chiến lược và tài liệu nghiên cứu liên quan đến PTDLBV.

4.3.2. Phân tích định lượng

Luận án sử dụng các phương pháp phân tích định lượng nhằm đo lường mức độ ảnh hưởng của các nhóm nhân tố đến PTDLBV tại thành phố Đà Nẵng. Dữ liệu khảo sát được xử lý bằng phần mềm SPSS.

4.4. Công cụ hỗ trợ nghiên cứu

Các công cụ hỗ trợ được sử dụng trong luận án bao gồm Google Forms và SurveyMonkey để thiết kế và thu thập dữ liệu khảo sát; Excel và SPSS để nhập, xử lý và phân tích dữ liệu định lượng.

5. Ý nghĩa của nghiên cứu

5.1. Ý nghĩa về mặt lý luận

Thứ nhất, luận án này nhấn mạnh tầm quan trọng của yếu tố thể chế (chính trị) đối với PTDLBV. Nó góp phần lấp đầy khoảng trống về một khung lý thuyết toàn diện cho khía cạnh chính trị trong khái niệm bền vững.

Thứ hai, luận án mở rộng ứng dụng lý thuyết trao đổi xã hội và lý thuyết lăng kính bền vững bằng cách tích hợp yếu tố thể chế (chính trị), sự hài lòng với du lịch và cảm xúc (chất lượng cuộc sống của người dân), những thành phần quan trọng của lợi ích - chi phí mà người dân cân nhắc, để giải thích PTDLBV của cư dân.

Thứ ba, khác với nhiều nghiên cứu trước chủ yếu tập trung vào các yếu tố kinh tế, văn hoá - xã hội, môi trường hay chính trị để giải thích PTDLBV, luận án này làm nổi bật vai trò của chất lượng cuộc sống của người dân như một yếu tố cảm xúc và tâm lý then chốt.

Thứ tư, khi nghiên cứu về PTDLBV, phần lớn các công trình hiện nay vẫn tập trung vào bối cảnh các quốc gia phát triển. Do đó, luận án này lấp đầy khoảng trống về bối cảnh nghiên cứu bằng cách khám phá PTDLBV tại quốc gia đang phát triển.

5.2. Ý nghĩa về mặt thực tiễn

Về phương diện thực tiễn, luận án cung cấp một bức tranh toàn diện, có hệ thống và cập nhật về thực trạng PTDLBV tại thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn 2014 - 2024, trên cả bốn phương diện: thể chế, kinh tế, văn hóa - xã hội và môi trường.

Một đóng góp thực tiễn quan trọng của luận án là việc xác định và lượng hóa mức độ tác động của các nhóm nhân tố ảnh hưởng đến ý định hỗ trợ PTDLBV của cư dân địa phương tại thành phố Đà Nẵng, qua đó giúp các nhà quản lý nhận diện rõ đâu là những yếu tố có vai trò quyết định, đâu là những yếu tố cần được ưu tiên can thiệp trong từng giai đoạn phát triển.

Ngoài ra, luận án còn có giá trị tham khảo đối với doanh nghiệp du lịch và các bên liên quan trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển du lịch gắn với trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường, đồng thời có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho nghiên cứu, giảng dạy và hoạch định chính sách về PTDLBV tại các đô thị du lịch ở Việt Nam.

6. Kết cấu của nghiên cứu

Ngoài phần mở đầu và kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung chính của luận án được kết cấu thành 5 chương, cụ thể như sau:

Chương 1. Tổng quan nghiên cứu về phát triển du lịch bền vững

Chương 2. Cơ sở lý luận về phát triển du lịch bền vững

Chương 3. Phương pháp nghiên cứu

Chương 4. Thực trạng và kết quả nghiên cứu phát triển du lịch bền vững tại thành phố Đà Nẵng

Chương 5. Giải pháp phát triển du lịch bền vững tại thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026 - 2030

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VỀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG

1.1. Tổng quan các nghiên cứu về phát triển du lịch bền vững

1.1.1. Các nghiên cứu về phát triển du lịch bền vững trên thế giới

Các nghiên cứu về PTDLBV trên thế giới tập trung vào việc phân tích các mô hình phát triển, công cụ quản lý và chính sách nhằm thúc đẩy PTDLBV. Các nghiên cứu này cung cấp bằng chứng thực nghiệm về việc vận dụng các nguyên tắc phát triển bền vững trong quản lý điểm đến và phát triển du lịch.

Trong nhóm nghiên cứu về thực hành và mô hình PTDLBV, Steck và cộng sự (1999), Gutierrez và cộng sự (2006) và Drumbrăveanu (2004) đã nhấn mạnh du lịch bền vững như một lựa chọn phát triển phù hợp, đồng thời đề cập đến các mô hình dự án và thực hành du lịch bền vững tại cấp điểm đến.

Bên cạnh đó, các nghiên cứu về công cụ và chính sách PTDLBV tập trung vào vai trò của quản trị điểm đến và các công cụ quản lý. UNEP và UNWTO (2005) cùng với UNWTO (2013) đã nhấn mạnh vai trò của các công cụ quản lý, chính sách và cơ chế quản trị điểm đến trong việc thúc đẩy PTDLBV. Các nghiên cứu này cho thấy PTDLBV cần gắn với hệ thống quản lý hiệu quả và sự phối hợp giữa các bên liên quan.

Nhìn chung, phần lớn các nghiên cứu trước đây vẫn dựa trên lý thuyết Trao đổi xã hội hoặc các biến thể mở rộng của lý thuyết này.

1.1.2. Các nghiên cứu về phát triển du lịch bền vững tại Việt Nam

Các nghiên cứu về PTDLBV tại Việt Nam tập trung vào việc đánh giá thực trạng phát triển du lịch, phân tích các yếu tố ảnh hưởng và đề xuất các giải pháp nhằm hướng tới PTDLBV. Các nghiên cứu này chủ yếu tiếp cận theo hướng nghiên cứu trường hợp tại các địa phương, đồng thời xem xét vai trò của quy hoạch, quản trị điểm đến, cộng đồng địa phương và đổi mới sáng tạo trong PTDLBV.

Trong nhóm nghiên cứu về thực hành và ứng dụng du lịch bền vững tại Việt Nam, các nghiên cứu của Dũng (2007), Vân (2012) và Nguyen và cộng sự (2020) phản ánh việc vận dụng các nguyên tắc PTDLBV gắn với quy hoạch phát triển du lịch, bảo tồn tài nguyên và phát huy vai trò của cộng đồng địa phương. Các nghiên cứu này cho thấy PTDLBV tại Việt Nam cần gắn với đặc điểm địa phương và yêu cầu bảo vệ tài nguyên du lịch.

Bên cạnh đó, các nghiên cứu về quản trị điểm đến và sự tham gia của cộng đồng cũng được đề cập trong nhiều nghiên cứu thực nghiệm tại Việt Nam. Lương (2002), Tứ (2016), Đông (2014), Nguyen và cộng sự (2020) và Bình (2022) nhấn mạnh vai trò của quản trị điểm đến, sự phối hợp giữa các bên liên quan và sự tham gia của cộng đồng địa phương trong phát triển du lịch bền vững. Các nghiên cứu này cho thấy sự tham gia của cộng đồng và cơ chế quản trị hiệu quả là yếu tố quan trọng trong PTDLBV tại Việt Nam.

Nhìn chung, các nghiên cứu về PTDLBV tại Việt Nam đã cung cấp bằng chứng quan trọng về các yếu tố ảnh hưởng đến PTDLBV, bao gồm quy hoạch phát triển, quản trị điểm đến, sự tham gia của cộng đồng và đổi mới sáng tạo. Tuy nhiên, các nghiên cứu trước đây chủ yếu tiếp cận theo từng yếu tố riêng lẻ và chưa xây dựng được mô hình nghiên cứu tổng thể về PTDLBV trong bối cảnh địa phương cụ thể.

1.1.3. Nhận xét tổng hợp về các nghiên cứu về phát triển du lịch bền vững

Trước hết, các nghiên cứu quốc tế như Wani và cộng sự (2024), Viana-Lora và cộng sự (2024) tập trung vào thực hành và mô hình PTDLBV tại các điểm đến và sự ủng hộ của người dân đối với PTDLBV. Các nghiên cứu này nhấn mạnh du lịch bền vững như một lựa chọn phát triển, đồng thời đề cập đến các mô hình và thực hành PTDLBV ở cấp điểm đến.

Tại Việt Nam, các nghiên cứu của Dũng (2007), Vân (2012) và Nguyen và cộng sự (2020) phản ánh việc vận dụng các nguyên tắc PTDLBV gắn với quy hoạch, tài nguyên và cộng đồng tại địa phương. Đồng thời, các nghiên cứu của Lương (2002), Đông (2014), Tú (2016), Nguyen và cộng sự (2020) và Bình (2022) nhấn mạnh vai trò của quản trị điểm đến, phối hợp đa bên và sự tham gia của cộng đồng trong PTDLBV.

Ngoài ra, các nghiên cứu của Mạnh (2008), Trường Đại học Thương mại (2016), Đông (2014) và Viên (2017) đề cập đến vai trò của đổi mới sáng tạo và ứng dụng các mô hình mới trong PTDLBV. Trong bối cảnh biến động, các nghiên cứu của Nguyen và cộng sự (2020), Viên (2017), Bình (2022) và Ngân và Hải (2022) nhấn mạnh yêu cầu thích ứng, phục hồi và đổi mới trong PTDLBV.

Nhìn chung, các nghiên cứu thực nghiệm về PTDLBV đã cung cấp những bằng chứng quan trọng về các yếu tố ảnh hưởng đến PTDLBV, bao gồm thực hành phát triển, công cụ và chính sách, quản trị điểm đến, sự tham gia của cộng đồng và đổi mới sáng tạo. Tuy nhiên, các nghiên cứu trước đây chủ yếu tiếp cận theo từng khía cạnh riêng lẻ và chưa xây dựng được mô hình nghiên cứu tổng thể về PTDLBV trong bối cảnh địa phương cụ thể.

1.2. Khoảng trống nghiên cứu

1.2.1. Khoảng trống lý thuyết

Thứ nhất, liên quan đến tranh luận về tính bền vững, khái niệm các trụ cột bền vững đề cập đến ba trụ cột bao gồm: kinh tế, môi trường và văn hóa - xã hội (UNWTO, 2004). Các nghiên cứu trước đây cho thấy còn ít sự quan tâm đến việc xem xét PTDLBV trong mối liên hệ với thái độ của cư dân đối với du lịch và các khía cạnh chính trị trong quản trị (Jurowski và Gursoy, 2004; Mihalic và cộng sự, 2016). Nghiên cứu này góp phần khắc phục khoảng trống đó, đồng thời nâng cao hiểu biết về khía cạnh thể chế bao quanh quá trình triển khai du lịch bền vững.

Thứ hai, phần lớn các nghiên cứu tập trung vào bối cảnh các quốc gia phát triển, trong khi các công trình nghiên cứu tại các nước đang phát triển còn tương đối hạn chế (Agarwal, 2024). Sự thiếu cân đối này là vấn đề đáng quan tâm, bởi các quốc gia đang phát triển thường

có những đặc trưng riêng như nền kinh tế phụ thuộc vào sinh kế, hệ sinh thái dễ bị tổn thương, năng lực quản trị còn hạn chế và tỷ lệ nghèo đói cao.

Thứ ba, các nghiên cứu trước đây chủ yếu giải thích sự ủng hộ của cộng đồng địa phương đối với PTDLBV thông qua lý thuyết Trao đổi xã hội (Social Exchange Theory - SET). Theo cách tiếp cận này, người dân được giả định sẽ ủng hộ hoặc phản đối phát triển du lịch dựa trên sự cân nhắc giữa lợi ích và chi phí (Nunkoo và Ramkissoon, 2010). Tuy nhiên, lý thuyết Trao đổi xã hội có xu hướng đơn giản hóa mối quan hệ giữa cộng đồng và du lịch dưới góc độ kinh tế, trong khi thực tế, thái độ và hành vi của người dân còn chịu ảnh hưởng đáng kể từ các yếu tố cảm xúc, mối quan hệ xã hội và bối cảnh sống cụ thể (Šegota và cộng sự, 2024).

Như vậy, các nghiên cứu trước đây đã cung cấp nền tảng lý thuyết quan trọng về PTDLBV, song vẫn thiếu một khung lý thuyết tổng hợp nhằm giải thích đầy đủ mối quan hệ giữa các yếu tố ảnh hưởng đến PTDLBV trong bối cảnh nghiên cứu cụ thể. Đây là khoảng trống lý thuyết mà luận án hướng tới giải quyết.

1.2.2. Khoảng trống thực nghiệm

Trước hết, các nghiên cứu thực nghiệm quốc tế chủ yếu tập trung vào việc đánh giá các mô hình và thực hành PTDLBV tại các điểm đến cụ thể, như các nghiên cứu của Steck và cộng sự (1999), Gutierrez và cộng sự (2006) và Drumbrăveanu (2004). Các nghiên cứu này cung cấp những kinh nghiệm thực tiễn quan trọng, tuy nhiên kết quả nghiên cứu chủ yếu mang tính trường hợp và khó khái quát cho các bối cảnh địa phương khác nhau.

Tại Việt Nam, các nghiên cứu thực nghiệm về PTDLBV như Dũng (2007), Vân (2012) và Nguyen và cộng sự (2020) chủ yếu tập trung vào việc phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp PTDLBV tại các địa phương. Tuy nhiên, các nghiên cứu này thường tiếp cận theo từng địa phương riêng lẻ và chưa xây dựng được mô hình thực nghiệm tổng thể về PTDLBV.

Ngoài ra, các nghiên cứu về quản trị điểm đến và sự tham gia của cộng đồng như Lương (2002), Tứ (2016), Đông (2014), Bình (2022) và Nguyen và cộng sự (2020) đã nhấn mạnh vai trò của cộng đồng và quản trị điểm đến trong PTDLBV. Tuy nhiên, các nghiên cứu này chủ yếu sử dụng phương pháp định tính hoặc nghiên cứu trường hợp, do đó còn thiếu các nghiên cứu định lượng nhằm đánh giá mức độ tác động của các yếu tố đến PTDLBV.

Nhìn chung, các nghiên cứu thực nghiệm trước đây đã cung cấp những bằng chứng quan trọng về PTDLBV, song vẫn thiếu các nghiên cứu thực nghiệm có tính hệ thống, sử dụng mô hình nghiên cứu tổng thể và kiểm định trong bối cảnh địa phương cụ thể. Đây là khoảng trống thực nghiệm mà luận án hướng tới bổ sung và làm rõ.

1.2.3. Khoảng trống phương pháp nghiên cứu

Trước hết, các nghiên cứu quốc tế về PTDLBV như Steck và cộng sự (1999), Gutierrez và cộng sự (2006) và Drumbrăveanu (2004) chủ yếu sử dụng phương pháp nghiên cứu trường hợp và phân tích mô hình thực tiễn tại các điểm đến cụ thể. Các nghiên cứu này cung cấp những kinh

thực nghiệm quan trọng, tuy nhiên phương pháp nghiên cứu chủ yếu mang tính mô tả và chưa kiểm định được mối quan hệ giữa các yếu tố ảnh hưởng đến PTDLBV.

Tại Việt Nam, các nghiên cứu của Dũng (2007), Vân (2012), Lương (2002), Đông (2014), Tú (2016), Viên (2017), Bình (2022) và Nguyễn và cộng sự (2020) chủ yếu sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, phân tích thực trạng hoặc nghiên cứu trường hợp tại các địa phương cụ thể. Các nghiên cứu này đã cung cấp những bằng chứng thực nghiệm quan trọng, tuy nhiên chưa xây dựng được mô hình nghiên cứu tổng thể và chưa sử dụng các phương pháp phân tích định lượng để kiểm định mối quan hệ giữa các yếu tố ảnh hưởng đến PTDLBV.

Nhìn chung, các nghiên cứu trước đây đã sử dụng nhiều phương pháp nghiên cứu khác nhau trong nghiên cứu PTDLBV, tuy nhiên vẫn còn thiếu các nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu tổng hợp, kết hợp giữa phương pháp định tính và định lượng nhằm xây dựng và kiểm định mô hình nghiên cứu PTDLBV trong bối cảnh cụ thể. Đây là khoảng trống phương pháp nghiên cứu mà luận án hướng tới giải quyết.

Từ những khoảng trống trên đặt ra một câu hỏi nghiên cứu quan trọng: Những cơ chế nào chi phối sự ủng hộ của cộng đồng địa phương đối với PTDLBV trong bối cảnh các quốc gia đang phát triển? Việc lựa chọn cư dân địa phương làm đối tượng nghiên cứu xuất phát từ vai trò trung tâm và không thể thay thế của họ trong hệ sinh thái du lịch bền vững.

Bên cạnh đó, cư dân địa phương cũng là nhóm phải đối mặt rõ nét nhất với sự đánh đổi giữa lợi ích ngắn hạn và giá trị bền vững dài hạn. Họ vừa là người hưởng lợi từ các cơ hội sinh kế do du lịch mang lại, vừa là người chịu áp lực từ các vấn đề như quá tải du lịch, suy giảm tài nguyên hay biến đổi văn hóa. Do đó, việc nghiên cứu cách thức cư dân đánh giá chi phí - lợi ích và hình thành ý định ủng hộ du lịch bền vững sẽ cung cấp những bằng chứng thực nghiệm quan trọng, góp phần giải thích cơ chế ra quyết định hành vi trong bối cảnh phát triển du lịch hiện nay.

Cuối cùng, tập trung vào cư dân địa phương còn mang ý nghĩa thực tiễn cao, khi các chính sách PTDLBV chỉ có thể thành công nếu nhận được sự đồng thuận và tham gia tích cực từ cộng đồng. Vì vậy, hiểu rõ động lực, rào cản và kỳ vọng của cư dân không chỉ giúp lấp đầy khoảng trống nghiên cứu, mà còn là cơ sở để đề xuất các giải pháp quản trị phù hợp, đảm bảo sự hài hòa giữa phát triển du lịch và lợi ích cộng đồng.

Tóm tắt Chương 1

CHƯƠNG 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG

2.1. Các khái niệm về phát triển du lịch bền vững

2.1.1. Khái niệm về du lịch

2.1.2. Phát triển bền vững

2.1.3. Phát triển du lịch bền vững

Khái niệm PTDLBV được hình thành trên nền tảng của khái niệm phát triển bền vững và không thể tách rời khỏi các nguyên tắc cốt lõi của phát triển bền vững nói chung. Trên thực tế, PTDLBV chính là sự vận dụng các nguyên lý của phát triển bền vững vào lĩnh vực du lịch - một ngành kinh tế tổng hợp, sử dụng trực tiếp và gián tiếp các nguồn tài nguyên tự nhiên, văn hóa và xã hội.

PTDLBV có thể được hiểu là quá trình phát triển du lịch đạt được sự hài hòa giữa:

(1) *Thể chế bền vững*, bảo đảm hệ thống chính sách, quản lý điểm đến và sự phối hợp giữa các bên liên quan có hiệu lực và hiệu quả.

(2) *Kinh tế bền vững*, bảo đảm hiệu quả và ổn định dài hạn.

(3) *Xã hội bền vững*, bảo đảm công bằng, tham gia và phúc lợi cộng đồng.

(4) *Môi trường bền vững*, bảo vệ tài nguyên và hệ sinh thái.

2.2. Các nguyên tắc và nội dung phát triển du lịch bền vững

2.2.1. Nguyên tắc phát triển du lịch bền vững

2.2.2. Nội dung phát triển du lịch bền vững

2.2.2.1. Phát triển du lịch bền vững gắn với thể chế

2.2.2.2. Phát triển du lịch bền vững gắn với kinh tế

2.2.2.3. Phát triển du lịch bền vững gắn với các vấn đề văn hóa - xã hội

2.2.2.4. Phát triển du lịch bền vững gắn với bảo vệ môi trường

2.3. Một số khung lý thuyết phát triển du lịch bền vững

2.3.1. Lý thuyết Trao đổi xã hội

Lý thuyết Trao đổi xã hội (Social Exchange Theory - SET) được sử dụng rộng rãi để phân tích thái độ của cộng đồng đối với phát triển du lịch, đặc biệt là cách họ đánh giá các tác động tích cực và tiêu cực của du lịch đối với mức độ ủng hộ (Nunkoo và Ramkissoon, 2012). Theo Emerson (1981), trao đổi xã hội là quá trình tương tác mà trong đó các bên phụ thuộc lẫn nhau thông qua lợi ích nhận được. Homans (1961) cho rằng hành vi xã hội là kết quả của sự trao đổi các nguồn lực hữu hình và vô hình, trong đó con người có xu hướng tối đa hóa lợi ích và giảm thiểu chi phí. Khi lợi ích vượt chi phí, hành vi hoặc mối quan hệ sẽ được duy trì (Cook và cộng sự, 1993).

Nghiên cứu PTDLBV, SET cho phép lý giải cách người dân đánh giá phát triển du lịch không chỉ qua lợi ích kinh tế mà còn thông qua mức độ hài lòng và chất lượng cuộc sống.

2.3.2. Mô hình Ba trụ cột

Bên cạnh đó, mô hình Ba trụ cột (*Triple Bottom Line* - TBL) do Elkington (1994) đề xuất là khung đánh giá nền tảng trong PTDLBV. Theo TBL, phát triển du lịch cần được xem xét đồng thời trên ba phương diện: kinh tế, xã hội và môi trường. Khung này cho phép đánh giá không chỉ hiệu quả kinh tế mà còn phân phối lợi ích cho cộng đồng, bảo tồn văn hóa và kiểm soát các tác động sinh thái như sức tải môi trường, ô nhiễm và suy thoái tài nguyên. Vì vậy, TBL được ứng dụng rộng rãi trong xây dựng chiến lược du lịch bền vững, du lịch sinh thái và các mô hình phát triển dựa vào cộng đồng.

2.4. Các tiêu chí đánh giá phát triển du lịch bền vững

2.4.1. Các tiêu chí quốc tế đánh giá phát triển du lịch bền vững

2.4.1.1 Tiêu chí của UNWTO

2.4.1.2. Khuyến nghị của OECD

2.4.1.3. Bộ tiêu chí do Hội đồng du lịch toàn cầu (GSTC) xây dựng

2.4.2. Khung tiêu chí nội địa hóa và địa phương hoá: Đề xuất cho nghiên cứu tại thành phố Đà Nẵng

2.4.2.1. Tiêu chí kinh tế

2.4.2.2. Tiêu chí văn hóa - xã hội

2.4.2.3. Tiêu chí môi trường

2.4.2.4. Tiêu chí thể chế

2.5. Sự ủng hộ của cư dân địa phương đối với phát triển du lịch bền vững

2.5.1. Vai trò của sự ủng hộ của cư dân trong phát triển du lịch bền vững

Vấn đề nghiên cứu: Người dân địa phương, với vai trò là những tác nhân chủ chốt của ngành du lịch, cân bằng giữa lý tưởng phát triển bền vững và thực tế sinh kế theo cơ chế nào? Cơ chế đánh giá chi phí - lợi ích này ảnh hưởng như thế nào và bằng cách nào đến ý định ủng hộ PTDLBV tại điểm đến của họ? Sự giằng xé giữa trách nhiệm cộng đồng và lợi ích cá nhân không chỉ là một thách thức trong quản trị du lịch bền vững, mà còn là một cơ hội để hiểu sâu hơn về cách người dân đánh giá chi phí - lợi ích trong các lựa chọn hành động liên quan đến phát triển du lịch dài hạn.

Trong bối cảnh du lịch, nếu cư dân không ủng hộ định hướng PTDLBV, các chính sách quy hoạch, quản lý môi trường hay phân phối lợi ích có thể gặp trở ngại trong thực thi, làm gia tăng chi phí điều chỉnh và suy giảm hiệu quả phát triển.

Thứ nhất, sự hỗ trợ của cư dân bảo đảm tính chính danh và ổn định của chính sách phát triển du lịch.

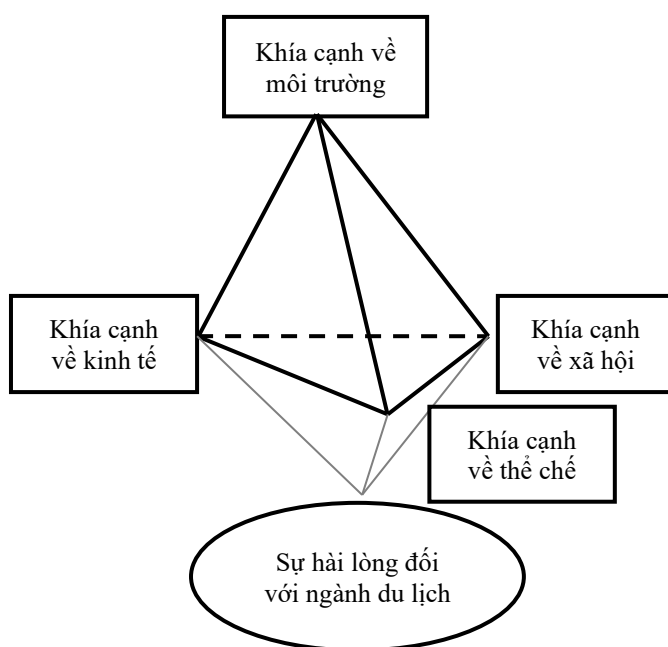
Thứ hai, sự hỗ trợ của cư dân góp phần giảm chi phí xã hội và xung đột lợi ích trong quá trình phát triển.

Thứ ba, sự hỗ trợ của cư dân phản ánh mức độ chia sẻ lợi ích và cải thiện phúc lợi từ du lịch.

2.5.2. Mô hình lý thuyết nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định hỗ trợ phát triển du lịch bền vững của cư dân địa phương tại thành phố Đà Nẵng

Khung lăng kính bền vững bao gồm bốn khía cạnh:

- (i) Bền vững thể chế: Hệ thống chính sách, cơ chế quản lý và mức độ tham gia của cộng đồng trong điều phối phát triển;
- (ii) Bền vững kinh tế: Khả năng tạo giá trị gia tăng, việc làm và nguồn thu ổn định cho địa phương;
- (iii) Bền vững văn hóa - xã hội: Bảo tồn bản sắc, duy trì cấu trúc xã hội và phân phối lợi ích công bằng;
- (iv) Bền vững môi trường: Bảo vệ tài nguyên, kiểm soát ô nhiễm và duy trì khả năng chịu tải của hệ sinh thái.



Hình 1. Mô hình lăng kính bền vững

2.5.3. Phát triển các giả thuyết nghiên cứu

Kế thừa những kết quả nói trên và điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh thể chế - xã hội của thành phố Đà Nẵng, luận án lựa chọn bốn nhóm biến độc lập: (1) Cảm nhận về tác động của thể chế; (2) Cảm nhận về tác động của kinh tế; (3) Cảm nhận về tác động của văn hóa - xã hội; (4) Cảm nhận về tác động của môi trường; 02 biến trung gian: (5) Sự hài lòng của người dân với du lịch; (6) Chất lượng cuộc sống; và 01 biến phụ thuộc: (7) Hỗ trợ cho PTDLBV. Việc lựa chọn các biến này vừa bảo đảm tính nhất quán với lý thuyết quốc tế và các nghiên cứu đã kiểm định, vừa phản ánh được các ưu tiên chính sách hiện hành của thành phố Đà Nẵng về chuyển dịch mô hình tăng trưởng du lịch theo hướng bền vững, đặt người dân và chất lượng sống của cư dân vào trung tâm.

Trên nền tảng đó, luận án đề xuất mô hình nghiên cứu và các giả thuyết cụ thể:

H1. Sự cảm nhận về tác động thể chế có ảnh hưởng tích cực đến sự cảm nhận về tác động kinh tế của người dân địa phương.

H2. Sự cảm nhận về tác động thể chế có ảnh hưởng tích cực đến sự cảm nhận về tác động văn hóa - xã hội của người dân địa phương.

H3. Sự cảm nhận về tác động thể chế có ảnh hưởng tích cực đến sự cảm nhận về tác động môi trường của người dân địa phương.

H4a. Sự cảm nhận về tác động kinh tế từ du lịch bền vững có ảnh hưởng tích cực đến sự hài lòng của người dân địa phương đối với du lịch.

H4b. Sự cảm nhận về tác động kinh tế từ du lịch bền vững có ảnh hưởng tích cực đến chất lượng cuộc sống của người dân địa phương.

H5a. Sự cảm nhận về tác động văn hóa - xã hội từ du lịch bền vững có ảnh hưởng tích cực đến hài lòng của người dân địa phương đối với du lịch.

H5b. Sự cảm nhận về tác động văn hóa - xã hội từ du lịch bền vững có ảnh hưởng tích cực đến chất lượng cuộc sống của người dân địa phương.

H6a. Sự cảm nhận về tác động môi trường từ du lịch bền vững có ảnh hưởng tích cực đến sự hài lòng của người dân địa phương đối với du lịch.

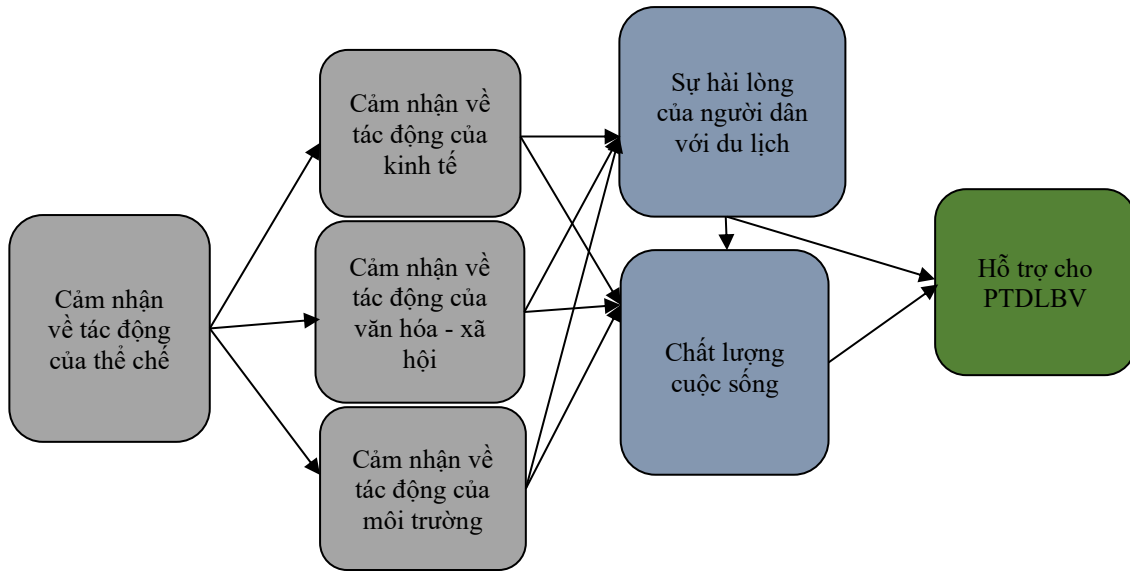
H6b. Sự cảm nhận về tác động môi trường từ du lịch bền vững có ảnh hưởng tích cực đến chất lượng cuộc sống của người dân địa phương.

H7. Sự hài lòng của người dân địa phương đối với du lịch có tác động tích cực đến chất lượng cuộc sống của người dân địa phương.

H8a. Sự hài lòng của người dân địa phương đối với du lịch có tác động tích cực đến hỗ trợ PTDLBV.

H8b. Chất lượng cuộc sống của người dân địa phương có tác động tích cực đến hỗ trợ PTDLBV.

Mô hình nghiên cứu đề xuất:



Hình 2. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Tóm tắt Chương 2

CHƯƠNG 3

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để thực hiện các mục tiêu nghiên cứu đã xác định, luận án xây dựng một hệ thống phương pháp nghiên cứu phù hợp với đặc thù của đề tài trong lĩnh vực kinh tế phát triển. Trên cơ sở khung lý thuyết về PTDLBV đã trình bày ở chương 2, nghiên cứu được triển khai theo ba hợp phần chính.

Thứ nhất, xây dựng và điều chỉnh bộ tiêu chí đánh giá PTDLBV cho thành phố Đà Nẵng trên cơ sở tham chiếu các khung tiêu chí quốc tế và nội địa hóa theo điều kiện thực tiễn địa phương.

Thứ hai, đánh giá thực trạng PTDLBV của thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn 2014 - 2024 thông qua phân tích dữ liệu thứ cấp và đối chiếu với bộ tiêu chí đã xây dựng.

Thứ ba, kiểm định mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến ý định hỗ trợ PTDLBV của cư dân địa phương nhằm làm rõ điều kiện xã hội - thể chế tác động đến tính khả thi của chiến lược phát triển.

Cách tiếp cận này bảo đảm tính thống nhất giữa cơ sở lý luận, nội dung phân tích thực tiễn và các đề xuất chính sách ở các chương tiếp theo.

3.1. Cách tiếp cận và phương pháp xây dựng bộ tiêu chí đánh giá phát triển du lịch bền vững

3.2. Phương pháp đánh giá thực trạng phát triển du lịch bền vững thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2014 - 2024

3.3. Phương pháp nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định hỗ trợ phát triển du lịch bền vững

3.3.1. Bối cảnh nghiên cứu

3.3.2. Thiết kế nghiên cứu và mô hình lý thuyết

3.3.3. Thiết kế thang đo và bảng hỏi

Các thang đo được kế thừa từ các nghiên cứu trước và được điều chỉnh từ các nghiên cứu trước có liên quan, bảo đảm tính phù hợp với bối cảnh địa phương. Cụ thể, thang đo “Cảm nhận về tác động của thể chế” hay “Perceived Political Impact” được ký hiệu là PPI. Thang đo “Cảm nhận về tác động của kinh tế” hay “Perceived Economic Impact” được ký hiệu là PEI². Thang đo “Cảm nhận về tác động của văn hóa - xã hội” hay “Perceived Socio-Cultural Impact” được ký hiệu là PSI. Thang đo “Cảm nhận về tác động của môi trường” hay “Perceived Environmental Impact” được ký hiệu là PEI¹. Thang đo “Sự hài lòng của người dân với du lịch” hay “Residents’ Satisfaction with Tourism” được ký hiệu là RST. Thang đo “Chất lượng cuộc sống” hay “Quality of Life” được ký hiệu là QOL. Cuối cùng, thang đo

“Hỗ trợ PTDLBV của người dân” hay “Residents’ Support for Sustainable Tourism Development” được ký hiệu là SSTD.

Bảng câu hỏi được thiết kế gồm bốn phần chính, với cấu trúc logic nhằm tạo thuận lợi cho người trả lời và nâng cao chất lượng dữ liệu thu thập được.

Phần 1. Giới thiệu nghiên cứu

Phần 2. Câu hỏi phân loại đối tượng nghiên cứu

Phần 3. Thông tin nhân khẩu học

Phần 4. Nội dung nghiên cứu chính

3.3.4. Khảo sát sơ bộ và khảo sát chính thức

Cuộc khảo sát được triển khai trong vòng năm tháng, từ tháng 9 năm 2023 đến tháng 01 năm 2024, và thu về 1220 bảng hỏi hợp lệ. Cơ cấu mẫu nghiên cứu được trình bày chi tiết trong Bảng 4.11. Với số lượng này, tỷ lệ giữa số quan sát hợp lệ và tỷ lệ này cho thấy kích thước mẫu cuối cùng đủ lớn và phù hợp để thực hiện phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính, đồng thời đảm bảo độ mạnh thống kê và tính ổn định của các ước lượng trong các phân tích tiếp theo.

3.3.5. Phương pháp phân tích

Nghiên cứu này sử dụng mô hình phương trình cấu trúc tuyến tính dựa trên hiệp phương sai (CB-SEM) để đánh giá độ phù hợp của mô hình lý thuyết đề xuất so với thực tế. Việc phân tích tuân theo một loạt các bước nhất quán, bao gồm phân tích mẫu, đánh giá mô hình thang đo và mô hình cấu trúc thông qua phần mềm SPSS 23.0 và AMOS 21.

Tóm tắt Chương 3

CHƯƠNG 4

THỰC TRẠNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

4.1. Khái quát các điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến phát triển du lịch Đà Nẵng

4.1.1. Đặc điểm về điều kiện tự nhiên, tài nguyên du lịch ảnh hưởng đến phát triển du lịch Đà Nẵng (bối cảnh trước 2025)

4.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến phát triển du lịch Đà Nẵng

4.1.2.1. Tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế

4.1.2.2. Kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch

4.1.2.3. Phát triển nguồn nhân lực du lịch

4.2. Thực trạng về phát triển du lịch bền vững thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2014 - 2024

4.2.1. Đánh giá thực trạng phát triển du lịch bền vững từ góc độ thể chế

4.2.1.1. Ban hành và thực thi các cơ chế, chính sách quản lý Nhà nước về phát triển du lịch bền vững

4.2.1.2. Tổ chức thực hiện các chính sách quản lý Nhà nước về phát triển bền vững du lịch

4.2.2. Đánh giá thực trạng phát triển bền vững du lịch từ góc độ kinh tế

4.2.2.1. Tốc độ và mức độ ổn định dài hạn của sự tăng trưởng

4.2.2.2. Về cơ cấu khách du lịch

4.2.2.3. Về thời gian lưu trú bình quân và chi tiêu bình quân

4.2.2.4. Doanh thu du lịch

4.2.2.5. Hệ thống cơ sở lưu trú của ngành du lịch

4.2.2.6. Tỷ trọng đầu tư cho ngành du lịch

4.2.3. Đánh giá thực trạng phát triển du lịch bền vững từ góc độ văn hoá - xã hội

4.2.3.1. Công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá, lịch sử

4.2.3.2. Phát triển du lịch giúp cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân

4.2.3.3. Tạo lập các cơ sở vui chơi giải trí - thể thao phục vụ xã hội

4.2.4. Đánh giá thực trạng phát triển du lịch bền vững từ góc độ môi trường

4.2.4.1. Bảo vệ sức sống và tính đa dạng sinh học

4.2.4.2. Sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên không tái tạo được

4.2.4.3. Tăng cường vai trò các cộng đồng trong việc tự quản lý môi trường

4.2.4.4. Thay đổi tập tục và thói quen của người dân địa phương nhằm xây dựng thành phố xanh

4.3. Kết quả nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững tại thành phố Đà Nẵng

4.3.1. Mô tả đặc điểm mẫu khảo sát

Nhóm nghiên cứu đã thực hiện gửi bảng câu hỏi đến các đối tượng khảo sát trong khoảng thời gian từ tháng 9/2023 đến tháng 01/2024. Kích thước mẫu thực tế thu về là $n = 1365$ và sau khi loại bỏ các mẫu không đủ dữ liệu thì số lượng thực tế được sử dụng để phân tích là $n = 1220$.

4.3.2. Đánh giá sơ bộ thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha và phân tích nhân tố khám phá (EFA)

4.3.2.1. Đánh giá sơ bộ thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha

Kết quả kiểm định độ tin cậy thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha cho bảy khái niệm trong mô hình nghiên cứu cho thấy các thang đo đều đạt mức tin cậy cao với $\alpha > 0,8$. Hai thang đo Chất lượng cuộc sống và Tác động văn hóa - xã hội có hệ số α xấp xỉ 0,8 nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu về độ tin cậy trong nghiên cứu xã hội.

Kết quả cho thấy không có biến quan sát nào có hệ số tương quan biến - tổng nhỏ hơn 0,3, nên không cần loại biến trước khi tiến hành phân tích nhân tố khám phá (EFA). Như vậy,

các thang đo được giữ nguyên để tiếp tục kiểm định giá trị hội tụ và giá trị phân biệt trong bước EFA tiếp theo.

4.3.2.2. Đánh giá sơ bộ thang đo bằng EFA

Kết quả phân tích nhân tố khám phá (EFA) được trình bày trong Bảng 1

Bảng 1. Kết quả đánh giá bằng EFA

KMO = 0.895; Sig. = .000; Eigenvalue = 1.125; Phương sai trích = 53.283%								
Pattern Matrixa								Cronbach's Alpha
	Factor							
	1	2	3	4	5	6	7	
SSTD2	0.818							0.912
SSTD4	0.807							
SSTD3	0.802							
SSTD6	0.802							
SSTD5	0.791							
SSTD1	0.760							
PEI2.6		0.753						0.861
PEI2.2		0.741						
PEI2.7		0.682						
PEI2.4		0.677						
PEI2.5		0.660						
PEI2.3		0.643						
PEI2.1		0.604						
PSI3			0.799					0.886
PSI2			0.794					
PSI1			0.777					
PSI4			0.713					
PSI6			0.685					
PSI7			0.623					
RST2				0.796				0.822
RST1				0.757				
RST4				0.724				
RST3				0.627				

QOL3					0.685			0.768
QOL2					0.667			
QOL1					0.664			
QOL4					0.664			
PEI1.2						0.713		0.776
PEI1.3						0.707		
PEI1.1						0.689		
PEI1.4						0.536		
PPI2							0.750	0.828
PPI4							0.733	
PPI3							0.715	
PPI1							0.618	
Extraction Method: Principal Axis Factoring.								
Rotation Method: Promax with Kaiser Normalization.								
a. Rotation converged in 6 iterations.								

(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu điều tra của tác giả, 2024)

Hệ số KMO đạt 0.895 (> 0.5) cho thấy dữ liệu hoàn toàn phù hợp để tiến hành phân tích nhân tố. Kiểm định Bartlett's có giá trị Chi-square = 6110 với mức ý nghĩa Sig. = 0.000 (< 0.05), bác bỏ giả thuyết H_0 rằng các biến quan sát không có tương quan trong tổng thể, khẳng định tính thích hợp của dữ liệu cho EFA.

Kết quả phân tích trích được bảy nhân tố có giá trị Eigenvalue > 1 , với tổng phương sai trích đạt 53.283% ($> 50\%$), chứng tỏ các nhân tố được hình thành có khả năng giải thích tốt sự biến thiên của dữ liệu và các thang đo có độ hội tụ chấp nhận được.

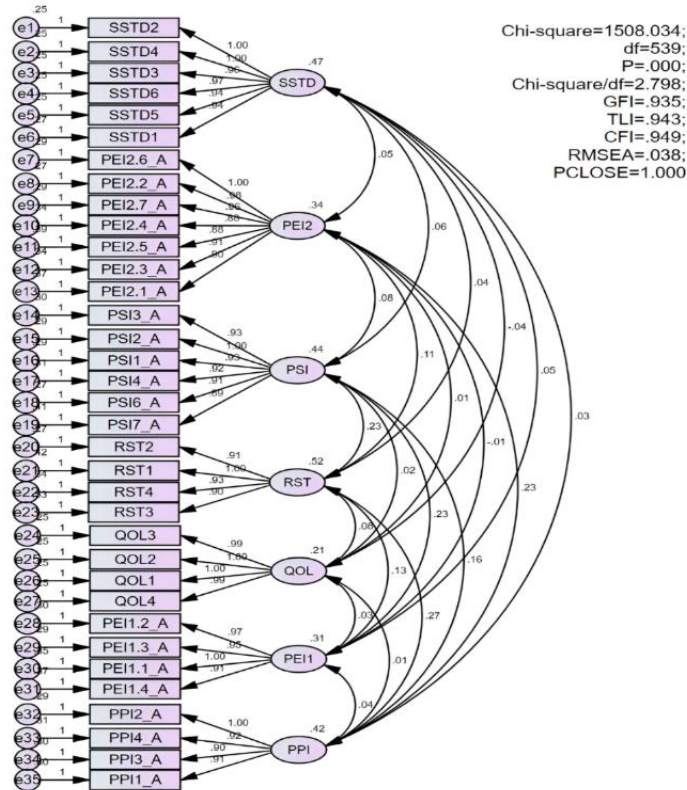
Trong quá trình phân tích, một biến quan sát thuộc thang đo Cảm nhận về tác động của văn hóa - xã hội bị loại do hệ số tải nhân tố thấp và tương quan chéo yếu. Các biến còn lại đều có hệ số tải nhân tố > 0.5 , phân nhóm rõ ràng và phù hợp với mô hình lý thuyết ban đầu.

Như vậy, kết quả EFA khẳng định cấu trúc thang đo đạt độ giá trị hội tụ và phân biệt tốt, là cơ sở để tiếp tục kiểm định mô hình đo lường bằng CFA trong bước phân tích tiếp theo.

4.3.3. Kiểm định thang đo bằng phân tích nhân tố khẳng định (CFA)

4.3.3.1. Kết quả CFA cho mô hình tới hạn

Nghiên cứu tiếp tục kiểm định giá trị phân biệt của tất cả các khái niệm thành phần trong mô hình nghiên cứu vì việc các khái niệm tự do liên kết với nhau xem chúng có thật sự có giá trị phân biệt với nhau không, mô hình này được gọi là mô hình tới hạn. Kết quả CFA mô hình đo lường tới hạn được thể hiện trong Hình 3.



Hình 3. Kết quả CFA (chuẩn hóa) mô hình đo lường tới hạn

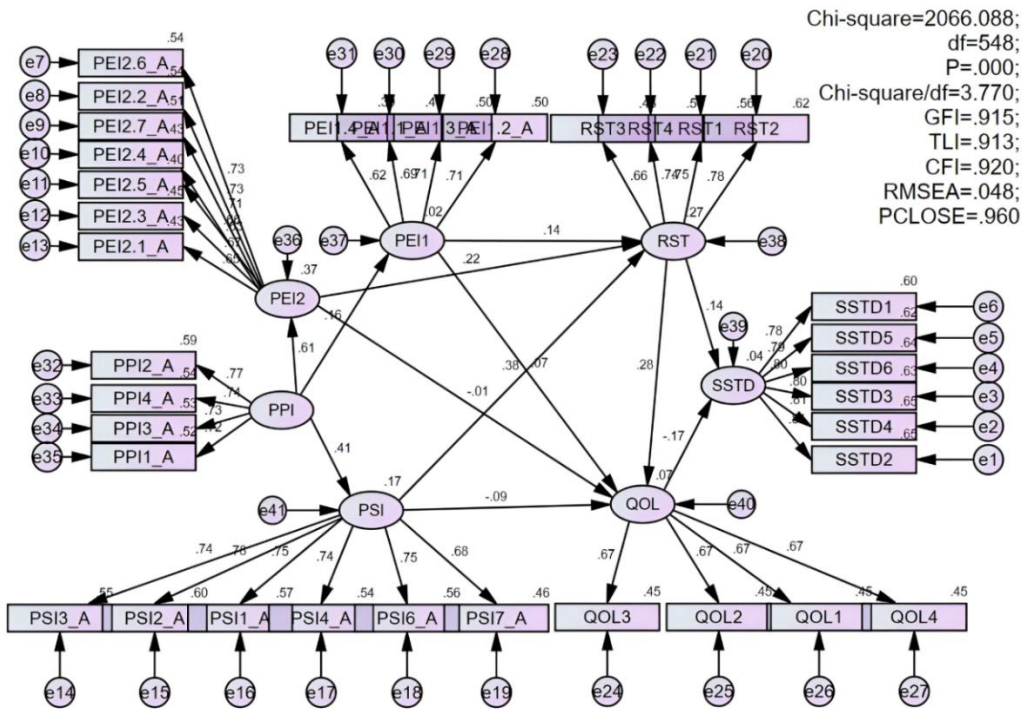
Kết quả CFA cho thấy mô hình có 539 bậc tự do, Chi-square = 1508.034 ($p = .000$), $CMIN/df = 2.798 < 3$. Các chỉ số GFI, TLI, CFI lần lượt là: 0.935; 0.943; 0.949 > 0.9 , $RSMEA = 0.038 < 0.8$. Do đó, nghiên cứu khẳng định mô hình đáp ứng tốt với dữ liệu thị trường. Bên cạnh đó, các trọng số (chuẩn hóa) đều > 0.5 và các ý nghĩa thống kê ($p = 0.000$) nên thang đo này đạt giá trị hội tụ.

4.3.3.2. Kết luận kiểm định thang đo bằng CFA

4.3.4. Kiểm định mô hình lý thuyết và các giả thuyết nghiên cứu bằng mô hình phương trình cấu trúc (SEM)

4.3.4.1. Kiểm định mô hình lý thuyết

Sau khi các thang đo được xác nhận đạt độ tin cậy và giá trị qua các bước Cronbach's Alpha, EFA và CFA, mô hình cấu trúc tuyến tính được sử dụng để kiểm định sự phù hợp của mô hình lý thuyết và đánh giá các mối quan hệ nhân quả giữa các khái niệm nghiên cứu.



Hình 4. Kết quả SEM mô hình nghiên cứu (chuẩn hóa)

Kết quả phân tích SEM cho thấy mô hình có mức độ phù hợp tốt với dữ liệu thực tế. Cụ thể, các chỉ số phù hợp mô hình đạt yêu cầu: Chi-square (χ^2) = 206.688 ($p = 0.000$), CMIN/df = 3.770 (< 5), GFI = 0.915, TLI = 0.913, CFI = 0.920 (> 0.9) và RMSEA = 0.048 (< 0.08). Theo khuyến nghị của Hair và cs (2010), các giá trị này cho thấy mô hình lý thuyết được đề xuất đạt độ phù hợp chấp nhận được và phản ánh tốt cấu trúc quan hệ giữa các biến trong dữ liệu khảo sát.

Nhìn chung, kết quả kiểm định SEM khẳng định mô hình lý thuyết có độ phù hợp cao, các quan hệ nhân quả được kiểm định đạt ý nghĩa thống kê và hướng tác động phù hợp với giả thuyết nghiên cứu.

4.3.4.2. Kiểm định các giả thuyết của mô hình nghiên cứu và thảo luận kết quả

Bảng 2. Kết quả kiểm định mối quan hệ giữa các biến trong mô hình

Giả thuyết	Mối quan hệ			Estimate	S.E.	C.R.	P	Kết luận
H1	PEI2	<---	PPI	0.552	0.036	15.504	***	Chấp nhận
H2	PEI1	<---	PPI	0.134	0.031	4.402	***	Chấp nhận
H3	PSI	<---	PPI	0.414	0.036	11.416	***	Chấp nhận
H4a	RST	<---	PEI2	0.269	0.040	6.696	***	Chấp nhận
H4b	QOL	<---	PEI2	-0.012	0.032	-0.384	0.701	Bác bỏ
H5a	RST	<---	PSI	0.408	0.039	10.543	***	Chấp nhận

Giả thuyết	Mối quan hệ			Estimate	S.E.	C.R.	P	Kết luận
H5b	QOL	<---	PSI	-0.070	0.031	-2.296	0.022	Chấp nhận
H6a	RST	<---	PEI1	0.177	0.042	4.201	***	Chấp nhận
H6b	QOL	<---	PEI1	0.063	0.034	1.860	0.063	Bác bỏ
H7	QOL	<---	RST	0.200	0.032	6.181	***	Chấp nhận
H8a	SSTD	<---	RST	0.143	0.035	4.112	***	Chấp nhận
H8b	SSTD	<---	QOL	-0.238	0.051	-4.671	***	Chấp nhận

(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu điều tra của tác giả, 2024)

Kết quả Bảng 2 cho thấy hầu hết các giả thuyết (H1, H2, H3, H4a, H5a, H5b, H6a, H7, H8a, H8b) được chấp nhận ở mức ý nghĩa thống kê $p < 0.05$, ngoại trừ H4b và H6b bị bác bỏ do không đạt mức ý nghĩa thống kê. Các kết quả này khẳng định phần lớn các mối quan hệ trong mô hình có ý nghĩa thực tiễn và phù hợp với lý thuyết nền tảng về PTDLBV.

Với nhóm giả thuyết cảm nhận về tác động của thể chế (PEI, PPI), kết quả kiểm định giả thuyết H1 ($PPI \rightarrow PEI2$) cho thấy hệ số ước lượng 0.552 (S.E. = 0.036, C.R. = 15.504, $p < 0.001$), phản ánh mối quan hệ tích cực mạnh mẽ giữa tác động thể chế được cảm nhận (Perceived Political Impact - PPI) và tác động kinh tế nâng cao (Perceived Economic Impact - PEI2). Điều này hàm ý rằng chính sách, quy định và cam kết của chính quyền địa phương trong lĩnh vực du lịch bền vững có vai trò quyết định đối với việc cư dân nhận thấy lợi ích kinh tế mà phát triển du lịch mang lại.

Giả thuyết H2 ($PPI \rightarrow PEI1$) với hệ số 0.134 ($p < 0.001$) cũng chỉ ra mối quan hệ tích cực nhưng yếu hơn giữa thể chế chính trị và nhận thức về lợi ích kinh tế cơ bản, như thu nhập và việc làm (PEI2.1–PEI2.3). Điều này cho thấy các chính sách hỗ trợ từ chính quyền vẫn góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho lợi ích kinh tế trực tiếp, song mức độ ảnh hưởng hạn chế hơn so với các yếu tố thúc đẩy kinh tế nâng cao. Nguyên nhân có thể do các lợi ích kinh tế cơ bản mang tính ngắn hạn, dễ nhận biết, nên mức độ cảm nhận của cư dân bị giới hạn trong thời điểm đầu; họ phản ứng tích cực với các chính sách tức thời (như tạo việc làm hoặc hỗ trợ sinh kế), nhưng chưa nhận thức đầy đủ về các hiệu ứng kinh tế dài hạn của PTDLBV.

Đối với nhóm giả thuyết cảm nhận về tác động của văn hóa - xã hội (PSI), giả thuyết H3 ($PSI \rightarrow PPI$) có hệ số 0.414 ($p < 0.001$) cho thấy tác động văn hóa - xã hội được cảm nhận (Perceived Socio-Cultural Impact - PSI) có ảnh hưởng tích cực đến nhận thức về tác động thể chế (PPI). Các chỉ biến như du lịch giúp thành phố có thêm nhiều công viên và khu vui chơi công cộng (PSI2), bảo tồn văn hóa địa phương (PSI6), và nâng cao chất lượng giáo dục tại Đà Nẵng (PSI7) đều đóng góp vào củng cố hình ảnh chính quyền địa phương thân thiện, định

hướng phát triển hài hòa giữa bảo tồn và phát triển. Kết quả này phù hợp với Styliadis và cộng sự (2014) và Han và cộng sự (2023), khi cho rằng sự lan tỏa văn hóa - xã hội tích cực giúp tăng cường tính chính danh và niềm tin vào năng lực điều hành của chính quyền địa phương trong quản lý phát triển du lịch. Điều này cũng củng cố giả định về mối quan hệ hai chiều giữa quản trị địa phương và văn hóa cộng đồng - nơi sự tham gia của cư dân vào hoạt động du lịch không chỉ là hệ quả mà còn là động lực củng cố thể chế bền vững.

Các kết quả kiểm định nhóm giả thuyết về sự hài lòng của người dân đối với du lịch (RST) và chất lượng cuộc sống (QOL) cho thấy sự hài lòng của cư dân có ảnh hưởng tích cực đáng kể đến cả nhận thức về tác động kinh tế và xã hội của PTDLBV. Cụ thể, kết quả kiểm định H4a ($RST \rightarrow PEI2$) cho thấy hệ số 0.269 ($p < 0.001$), chứng minh sự hài lòng của cư dân với du lịch có ảnh hưởng tích cực đến nhận thức về tác động kinh tế nâng cao (PEI2). Khi cư dân cảm thấy hài lòng với sự phát triển du lịch (RST1–RST4), họ có xu hướng đánh giá tích cực hơn về các lợi ích kinh tế gián tiếp như đa dạng hóa hoạt động kinh tế (PEI2), tạo cơ hội việc làm và mở rộng cơ hội kinh doanh (PEI3).

Ngược lại, H4b ($QOL \rightarrow PEI2$) bị bác bỏ (Estimate = -0.012, $p = 0.701$), cho thấy chất lượng cuộc sống cao chưa chắc làm tăng nhận thức về tác động kinh tế. Điều này được lý giải tương tự Woo và cộng sự (2015) và Han và cộng sự (2023) rằng, khi mức sống được cải thiện, cư dân có kỳ vọng cao hơn và nhạy cảm hơn với các chi phí xã hội phát sinh từ du lịch (ô nhiễm, tắc nghẽn, mất cân bằng sinh thái), khiến đánh giá tích cực về kinh tế bị suy giảm trong ngắn hạn.

Trong khi đó, H5a ($RST \rightarrow PSI$) với hệ số 0.408 ($p < 0.001$) tiếp tục khẳng định sự hài lòng của cư dân là động lực thúc đẩy nhận thức xã hội tích cực, phù hợp với Woo và cộng sự (2015) và Han và cộng sự (2023). Ngược lại, H5b ($QOL \rightarrow PSI$) có hệ số âm -0.070 ($p = 0.022$), hàm ý rằng nếu chất lượng cuộc sống bị ảnh hưởng tiêu cực bởi du lịch (như mất không gian sinh hoạt, biến đổi giá trị văn hóa), cư dân sẽ có xu hướng đánh giá thấp hơn tác động xã hội của du lịch.

Đối với nhóm giả thuyết cảm nhận về tác động của môi trường (Environmental Impact – PEI1), giả thuyết H6a ($RST \rightarrow PEI1$) có hệ số 0.177 ($p < 0.001$), chứng tỏ sự hài lòng của cư dân góp phần nâng cao nhận thức về tác động môi trường của du lịch, đặc biệt trong các hoạt động bảo tồn các không gian xanh của thành phố (PEI1.2), giảm ô nhiễm (PEI1.1). Tuy nhiên, H6b ($QOL \rightarrow PEI1$) bị bác bỏ (Estimate = 0.063, $p = 0.063$), cho thấy chất lượng cuộc sống (QOL) chưa đủ mạnh để hình thành ý thức môi trường bền vững, điều này có thể ngụ ý nhu cầu đẩy mạnh truyền thông - giáo dục cộng đồng về vai trò của môi trường trong PTDLBV. Kết quả này tương đồng với Mihalić và cộng sự (2016), nhấn mạnh rằng động lực môi trường chỉ trở nên rõ nét khi cư dân cảm nhận được lợi ích dài hạn của du lịch bền vững.

Tóm lại, kết quả mô hình SEM cho thấy mối liên hệ đa chiều giữa các yếu tố thể chế, kinh tế, văn hóa - xã hội và môi trường, trong đó cảm nhận sự tác động về thể chế (PPI) đóng

vai trò trung tâm, định hướng và củng cố các nhận thức tích cực khác trong mô hình. Các đường dẫn tích cực chiếm ưu thế, đặc biệt giữa các biến kinh tế - xã hội (H1, H3, H5a, H7, H8a), qua đó chứng minh mức độ gắn kết chặt chẽ giữa nhận thức cộng đồng, sự hài lòng của cư dân và hiệu suất PTDLBV.

4.3.5. Phân tích và tổng hợp kết quả nghiên cứu

(1) Tổng hợp kết quả kiểm định các giả thuyết nghiên cứu

(2) Nhận định về vai trò tương đối của các nhóm nhân tố trong mô hình

(3) Liên hệ kết quả nghiên cứu với thực trạng phát triển du lịch tại thành phố Đà Nẵng

Nhìn chung, kết quả nghiên cứu định lượng đã cung cấp bằng chứng thực nghiệm cho thấy PTDLBV tại thành phố Đà Nẵng là một quá trình đa chiều, chịu tác động đồng thời của nhiều nhóm nhân tố, trong đó thể chế đóng vai trò trung tâm, còn sự hài lòng và chất lượng cuộc sống của cư dân là các cơ chế trung gian quan trọng kết nối giữa phát triển du lịch và sự ủng hộ của cộng đồng địa phương.

Tóm tắt Chương 4

CHƯƠNG 5

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

5.1. Quan điểm và định hướng phát triển du lịch bền vững tại thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026 - 2030

5.1.1. Cơ sở xây dựng quan điểm và định hướng phát triển du lịch bền vững

5.1.2. Quan điểm phát triển du lịch bền vững giai đoạn 2026 - 2030

5.1.3. Định hướng phát triển du lịch bền vững giai đoạn 2026 - 2030

5.2. Các nhóm giải pháp thúc đẩy phát triển du lịch bền vững tại thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2025 - 2030

5.2.1. Nhóm giải pháp về thể chế

5.2.1.1. Xây dựng chính sách quy hoạch tích hợp đa ngành

5.2.1.2. Thể chế hóa Bộ chỉ số Du lịch bền vững địa phương (DSTI)

5.2.1.3. Chính sách đầu tư xanh trong phát triển du lịch bền vững

5.2.1.4. Tăng cường thể chế tham gia và giám sát cộng đồng

5.2.1.5. Đẩy mạnh phát triển hạ tầng, công nghệ, dữ liệu du lịch bền vững

5.2.2. Nhóm giải pháp về kinh tế

5.2.2.1. Tái cấu trúc sản phẩm và chuỗi giá trị du lịch theo hướng bền vững

5.2.2.2. Huy động và định hướng nguồn vốn đầu tư theo tiêu chí xanh - hiệu quả - lan

tỏa

5.2.2.3. Đổi mới tiếp cận thị trường và phân khúc khách hàng

5.2.2.4. *Phát triển thương hiệu và hệ thống xúc tiến du lịch bền vững*

5.2.2.5. *Phát triển hệ sinh thái phân phối và bán hàng du lịch bền vững*

5.2.3. Nhóm giải pháp về văn hóa - xã hội

5.2.3.1. *Bảo tồn, phát huy di sản văn hóa và tài nguyên du lịch nhân văn*

5.2.3.2. *Tôn trọng, tăng cường vai trò của cộng đồng dân cư*

5.2.3.3. *Tăng cường liên kết giữa các ngành chức năng và cộng đồng trong phát triển du lịch*

5.2.4. Nhóm giải pháp về môi trường

5.2.4.1. *Bảo tồn, tôn tạo và khai thác bền vững tài nguyên và đa dạng sinh học*

5.2.4.2. *Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng dân cư và các cấp quản lý*

5.2.4.3. *Phát triển các loại hình du lịch thân thiện môi trường, khuyến khích các cơ sở lưu trú phấn đấu để đạt Nhãn du lịch bền vững Bông Sen Xanh*

5.3. Khuyến nghị đối với Sở/Ban/Ngành của thành phố Đà Nẵng

Tóm tắt Chương 5

KẾT LUẬN

Luận án đã hoàn thành việc nghiên cứu một cách hệ thống và toàn diện các vấn đề liên quan đến PTDLBV tại thành phố Đà Nẵng trong bối cảnh hội nhập quốc tế, chuyển đổi số và các thách thức toàn cầu như biến đổi khí hậu, dịch bệnh và tái cấu trúc chuỗi giá trị du lịch. Trên cơ sở tiếp cận lý thuyết phát triển bền vững, các khung tiêu chí quốc tế và quốc gia, cũng như những thực tiễn tại địa phương, nghiên cứu đã đạt được những kết quả cơ bản, có ý nghĩa cả về phương pháp luận và hàm ý chính sách.

Thứ nhất, luận án đã hệ thống hóa cơ sở lý luận về phát triển bền vững và kinh tế phát triển, qua đó làm rõ vai trò của thể chế, nguồn lực và sự tham gia của cộng đồng trong việc bảo đảm sự cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Việc tích hợp các lý thuyết trao đổi xã hội, ba trụ cột và các bên liên quan cho phép luận án xây dựng một khung phân tích tổng hợp, vừa phản ánh được mối quan hệ tương tác giữa các trụ cột của phát triển bền vững, vừa có khả năng vận dụng trong phân tích thực tiễn phát triển du lịch tại các đô thị du lịch ven biển.

Thứ hai, nghiên cứu đã khảo sát và phân tích một cách khách quan, chi tiết hiện trạng phát triển du lịch của thành phố Đà Nẵng trên cơ sở kết hợp dữ liệu định lượng và định tính trong giai đoạn nghiên cứu.

Thứ ba, luận án đã đề xuất một hệ thống giải pháp có tính khả thi và định hướng rõ ràng cho quá trình PTDLBV của thành phố trong giai đoạn tới.

Luận án có những đóng góp rõ nét trên ba phương diện: lý luận, thực tiễn và phương pháp nghiên cứu.

Về mặt lý luận, luận án đã góp phần làm rõ và mở rộng khung phân tích PTDLBV trong bối cảnh đô thị du lịch ven biển của một nền kinh tế đang phát triển. Việc nhấn mạnh vai trò của thể chế, quản trị điểm đến và cộng đồng địa phương đã bổ sung cách tiếp cận phát triển bền vững theo hướng động, thay vì chỉ tiếp cận như một trạng thái cân bằng tĩnh giữa các trụ cột. Đây là đóng góp có ý nghĩa trong việc hoàn thiện lý thuyết PTDLBV ở Việt Nam.

Về mặt thực tiễn, luận án đã cung cấp các luận cứ khoa học và bằng chứng thực nghiệm phục vụ hoạch định và điều chỉnh chính sách PTDLBV tại thành phố Đà Nẵng. Các kết quả nghiên cứu có thể được sử dụng làm cơ sở tham khảo cho các cơ quan quản lý Nhà nước, các nhà hoạch định chính sách và doanh nghiệp du lịch trong việc xây dựng chiến lược, quy hoạch và chương trình phát triển du lịch theo hướng hiệu quả và bền vững hơn.

Về mặt phương pháp, luận án đã kết hợp linh hoạt các phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng, nghiên cứu tình huống và so sánh quốc tế. Cách tiếp cận này không chỉ nâng cao độ tin cậy của kết quả nghiên cứu mà còn có thể được vận dụng cho các nghiên cứu tiếp theo về PTDLBV tại địa phương khác có điều kiện tương đồng.

Bên cạnh những kết quả đạt được, luận án vẫn tồn tại một số hạn chế nhất định cần được nhìn nhận một cách khách quan.

Thứ nhất, *về phạm vi nghiên cứu*, luận án tập trung vào PTDLBV tại thành phố Đà Nẵng trong khuôn khổ không gian hành chính cấp thành phố. Cách tiếp cận này cho phép phân tích sâu các đặc thù về thể chế, tài nguyên và mô hình phát triển du lịch đô thị ven biển, song chưa làm rõ đầy đủ các mối liên kết liên vùng và chuỗi giá trị du lịch trong không gian mở với các địa phương lân cận - yếu tố ngày càng quan trọng trong bối cảnh phát triển du lịch hiện nay.

Thứ hai, *về nội dung nghiên cứu*, luận án chủ yếu phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định hỗ trợ PTDLBV của cư dân địa phương như thể chế, kinh tế, văn hóa - xã hội, môi trường. Tuy nhiên, một số nội dung mới như kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi xanh, trung hòa carbon và tác động sâu của chuyển đổi số đối với quản trị điểm đến mới được đề cập ở mức định hướng, chưa được lượng hóa và phân tích chuyên sâu.

Thứ ba, *về phương pháp và dữ liệu*, mặc dù đã kết hợp phương pháp định tính và định lượng, song việc tiếp cận dữ liệu dài hạn và dữ liệu vi mô còn hạn chế, khiến khả năng phân tích xu hướng dài hạn và đánh giá tác động động của các nhân tố đến PTDLBV chưa thực sự đầy đủ.

Trên cơ sở đó, các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng theo hướng tiếp cận liên vùng, tích hợp kinh tế số và chuyển đổi xanh, cũng như phát triển các mô hình định lượng động để đánh giá tác động dài hạn. Đồng thời, cần tiếp tục nghiên cứu sâu hơn vai trò của cộng đồng địa phương trong đồng quản trị và đồng sáng tạo giá trị du lịch nhằm bảo đảm tính bền vững xã hội trong dài hạn.